

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/7/2024  
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN – TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vương Thành Tuân  
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Xuân Kỳ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa:** Ông Bế Thanh Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nông Vi Thị Hà T – sinh năm: 1997.

Nơi đăng ký HKTT: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: xóm I, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Ông Vương Văn Đ – sinh năm: 1996.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng.  
Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Nông Thị Thu T1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024, bản tự khai đề ngày 18/3/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nông Thị Hà T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vương Văn Đoàn kết h năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, bà và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ sử dụng ma túy và có quan hệ ngoài hôn nhân (việc này ông Đ đã thừa nhận). Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và xảy ra xô xát. Bố mẹ gia đình hai bên khuyên bảo ông Đ nhiều lần nhưng ông Đ không quan tâm. Ông Đ đi chơi ngày càng nhiều hơn, công việc nhà và vợ con ông Đ không để ý đến. Ông Đ và gia đình nhà chồng cũng không giúp bà nuôi dạy cháu T2. Do áp lực con nhỏ và gia đình nhà chồng nên bà đã đưa cháu T2 về nhà mẹ đẻ ở nhưng ông Đ cũng không quan tâm đến hai mẹ con. Từ khi bà và ông Đ ly thân năm 2020 đến nay hai bên không qua lại cũng như không gọi điện thoại hỏi thăm, thỉnh thoảng bà chỉ đưa con về nhà nội. Cuộc sống hôn nhân như vậy bà thấy rất mệt mỏi nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là Vương Minh T3 – sinh ngày: 30/7/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/4/2024, bị đơn ông Vương Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Thời điểm kết hôn hai vợ chồng đều là lao động tự do.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Trong quá trình chung sống bà T có thời gian đi làm công nhân tại công ty ở các tỉnh miền xuôi. Thời gian bà T sống với gia đình nhà chồng rất ít mà thường xuyên sống tại gia đình mẹ đẻ ở V, thành phố C. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã do cả hai mãi chơi. Bà T trình bày nội dung ông mắc tệ nạn xã hội là không đúng. Hai vợ chồng đã ly thân từ lâu và hiện tại bà T vẫn ở nhà mẹ đẻ. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà T yêu cầu ly hôn ông cũng nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là Vương Minh T3 – sinh ngày: 30/7/2018. Trong trường hợp ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông làm thợ xây, công việc không ổn định. Trong 02 năm gần đây ông không có việc làm chỉ ở nhà phụ giúp bố mẹ việc gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nông Thị Thu T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Vi Thị Hà T và ông Vương Văn Đoàn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Giai đoạn đầu kết hôn hai vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T và ông Đ sống ly thân từ năm 2020 đến nay; đã không có sự quan tâm, chăm sóc cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, xảy ra thường xuyên, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà T và ông Đ được ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 01 (một) con chung là Vương Minh T3 – sinh ngày: 30/7/2018 và hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà T và ông Đ đều là lao động tự do và sống chung với bố mẹ đẻ. Theo lời trình bày của ông Đ hiện ông làm thợ xây, công việc không ổn định. Trong 02 năm gần đây ông không có việc làm chỉ ở nhà phụ

giúp bố mẹ việc gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống bà T, ông Đ đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:*

\* Việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 195, 196, 197, 198, 203, 239 và 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện, tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

\* Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Vi Thị Hà T được ly hôn với ông Vương Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung Vương Minh T3 – sinh ngày: 30/7/2018 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà Nông Vi Thị Hà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Nông Vi Thị Hà T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Vương Văn Đ, cư trú: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn Vương Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Thạch An tuy nhiên vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Vi Thị Hà T kết hôn với ông Vương Văn Đ năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Đ sử dụng ma túy và có quan hệ ngoài hôn nhân. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và xảy ra xô xát. Bố mẹ gia đình hai bên khuyên bảo ông Đ nhiều lần nhưng ông Đ không quan tâm. Ông Đ đi chơi ngày càng nhiều hơn, công việc nhà và vợ con ông Đ không để ý đến.

Ông Đ lại cho rằng quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Hai vợ chồng có xảy ra cãi vã do cả hai mãi chơi. Trong quá trình chung sống, bà T có thời gian sống với gia đình nhà chồng rất ít mà thường xuyên sống tại gia đình mẹ đẻ ở V, thành phố C.

Tuy nhiên, cả hai đương sự đều xác nhận hai vợ chồng đã ly thân từ lâu và hiện tại bà T vẫn ở nhà mẹ đẻ. Từ khi ly thân không còn liên lạc, hỏi thăm nhau. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông Đ đã thực sự không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông Đ có 01 (một) người con chung là Vương Minh T3 – sinh ngày: 30/7/2018 (Giới tính: Nam).

Về người trực tiếp nuôi con: Bà T và ông Đ cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Hiện tại, bà T và ông Đ đều đang chung sống với bố mẹ đẻ và là lao động tự do. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T3 là con chung của bà T và ông Đ. Cháu T3 được bà T trực tiếp chăm sóc từ lúc sinh đến khi bà T và ông Đ sống ly thân. Do cháu T3 còn nhỏ và cũng để tránh sự xáo trộn cuộc sống hàng ngày của cháu cần giao cháu T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6]. Về án phí: Theo hồ sơ vụ án, bà T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) và cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng thuộc khu vực III theo Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Vi Thị Hà T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Vi Thị Hà T được ly hôn với ông Vương Văn Đ.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Vương Minh T3 – sinh ngày: 30/7/2018 (Giới tính: Nam) cho bà Nông Vi Thị Hà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nông Vi Thị T phải chịu 300.000,<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) bà Nông Vi Thị Hà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0002041 ngày 18/3/2024. Bà Nông Vi Thị Hà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND h. Thạch An;
- Tòa án ND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS h. Thạch An;
- UBND xã Kim Đồng;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quỳnh Mai**



